

CHÍNH PHỦ
Số: 48/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 06 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000 (sau đây gọi chung là Luật Dầu khí).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí, kể cả xử lý, thu gom, tàng trữ, vận chuyển dầu khí trong khu vực khai thác cho tới điểm giao nhận và các hoạt động dịch vụ dầu khí trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như trên các công trình, phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định tại Điều 47 Luật Dầu khí.

Điều 3. Đối tượng được tiến hành hoạt động dầu khí

Cá nhân, tổ chức, cá nhân được tiến hành hoạt động dầu khí bao gồm:

- Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- Doanh nghiệp Nhà nước khác được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước;
- Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư trực tiếp vào Việt Nam;
6. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này được tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí ký kết với Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Trong trường hợp tự tiến hành hoạt động dầu khí, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải lập đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phải tuân thủ các quy định của Luật Dầu khí, Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Nghị định này, cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Định nghĩa

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Công trình cố định" là công trình được xây dựng, lắp đặt cố định và sử dụng để phục vụ hoạt động dầu khí.
2. "Diện tích hợp đồng" là diện tích được xác định trên cơ sở các lô tìm kiếm thăm dò theo thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí hoặc diện tích còn lại sau khi hoàn trả diện tích.
3. "Điểm giao nhận" là điểm được thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí mà ở đó dầu khí được chuyển giao quyền sở hữu cho các bên tham gia hợp đồng dầu khí.
4. "Hợp đồng giao dịch song phẳng" là hợp đồng giao dịch giữa người mua và người bán trong quan hệ thị trường, không bao gồm các hợp đồng mua bán giữa nội bộ của một công ty, giữa các Chính phủ, giữa các tổ chức thuộc Chính phủ, hoặc bất cứ giao dịch, trao đổi nào bị ảnh hưởng bởi những quan hệ thương mại không bình thường.
5. "Khí đồng hành" là hydrocarbon ở thể khí được tách ra trong quá trình khai thác và xử lý dầu thô.
6. "Phát triển mỏ" là quá trình chuẩn bị và đầu tư xây dựng công trình, khoan khai thác, lắp đặt thiết bị để đưa mỏ vào khai thác dầu khí kể từ khi mỏ đó được tuyên bố phát hiện có giá trị thương mại.
7. "Sản lượng dầu khí thực" là sản lượng dầu khí khai thác và giữ được từ diện tích hợp đồng, được đo tại điểm giao nhận.

Chương II

HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 5. Đề án và chương trình công tác

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải lập đề án tổng thể, đề án chi tiết đối với các hoạt động này, trình cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí để xem xét, chấp thuận.

Thời hạn xem xét, chấp thuận không quá sáu mươi ngày (60 ngày) đối với đề án tổng thể và không quá ba mươi ngày (30 ngày) đối với các đề án chi tiết kể từ ngày nhận được đề án.

2. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải lập chương trình công tác năm tương ứng theo từng giai đoạn phù hợp với các cam kết trong hợp đồng dầu khí về thời hạn, nội dung công việc, tài chính và gửi Tổng công ty Dầu khí Việt Nam để thoả thuận thực hiện.

Điều 6. Các tiêu chuẩn được áp dụng

Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động dầu khí phải áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn, môi trường, kỹ thuật và công nghệ có liên quan.

Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn Việt Nam, tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được áp dụng các tiêu chuẩn trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là một bên tham gia hoặc ký kết.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn khác phải được phép của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 7. Các tài liệu về môi trường và an toàn

Tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải xây dựng và trình cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền các tài liệu sau:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Chương trình quản lý an toàn và đánh giá mức độ rủi ro kèm theo các biện pháp hạn chế sự cố và thiệt hại; Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp các sự cố bao gồm cả các biện pháp kỹ thuật và việc sử dụng các phương tiện, thiết bị để khắc phục sự cố.

Điều 8. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và an toàn

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải thực hiện các công việc có liên quan đến bảo vệ môi trường và an toàn sau:

1. Lập vùng an toàn và duy trì tín hiệu an toàn cho các công trình dầu khí và máy móc thiết bị theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

2. Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn theo chương trình quản lý an toàn đã được phê duyệt;

3. Thực hiện chương trình quan trắc các thay đổi về môi trường, thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường và các biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm và khắc phục hậu quả do sự cố ô nhiễm môi trường gây ra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Hạn chế tới mức thấp nhất những tác động làm ảnh hưởng hoặc đưa đến hậu quả xấu cho môi trường như ô nhiễm đất, nước, rừng, không khí, gây hại cho hệ thực vật và động vật, làm mất cân bằng sinh thái hoặc làm ảnh hưởng xấu tới môi trường dân sinh;

5. Cập nhật số liệu và hoàn thiện báo cáo đánh giá rủi ro, báo cáo việc thực hiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;

6. Ghi chép đầy đủ các sự cố, tai nạn xảy ra;

7. Thông báo khẩn cấp và áp dụng ngay các biện pháp khắc phục trong trường hợp bị tai nạn hoặc sự cố;

8. Áp dụng các biện pháp để bảo đảm an toàn lao động.

Điều 9. Trách nhiệm khi xảy ra sự cố

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại đối với người, tài sản và môi trường, kể cả việc làm sạch và khôi phục hiện trạng môi trường do tác hại trực tiếp hay gián tiếp của hoạt động dầu khí gây ra.

Điều 10. Các yêu cầu về bảo tồn tài nguyên

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải tuân thủ các quy định về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên dầu khí và khai thác dầu khí với hệ số thu hồi dầu khí tối ưu phù hợp với thông lệ trong công nghiệp dầu khí quốc tế.

Điều 11. Vùng an toàn dầu khí

Khoảng cách vùng an toàn cho các công trình khoan, khai thác trên biển là năm trăm mét (500 mét) trở ra tính từ rìa ngoài cùng của các công trình hoặc từ vị trí thả neo đối với các phương tiện nổi, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trong phạm vi hai hải lý (2 hải lý) tính từ rìa ngoài cùng của công trình, các phương tiện, tàu thuyền không được thả neo. Trong phạm vi vùng an toàn, người không có trách nhiệm không được phép xâm nhập, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Vùng an toàn xung quanh các công trình phục vụ tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trên đất liền do cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí quy định, tùy thuộc vào điều kiện địa lý, xã hội của nơi tiến hành hoạt động dầu khí.

Điều 12. Các quy định trong khi khoan

Trong khi tiến hành khoan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Khoan theo thiết kế hoặc thiết kế có thay đổi đã được duyệt;
2. Không được khoan ra ngoài diện tích hợp đồng dầu khí;
3. Lưu giữ toàn bộ tài liệu và mẫu vật thu được trong quá trình khoan và nộp cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
4. Thông báo kịp thời cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam các tài nguyên khác phát hiện được trong khi khoan.

Tổ chức, cá nhân tiến hành khoan còn phải tuân thủ các quy định khác trong các quy chế hiện hành.

Điều 13. Quy định về khai thác dầu khí

Tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác dầu khí phải tuân thủ các quy định về khai thác tài nguyên dầu khí hiện hành, thực hiện đúng nội dung kế hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đã được phê

duyet; phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật và thiết bị tiên tiến nhằm thu hồi dầu khí tối ưu nhưng không gây tác hại đến lòng đất, môi trường sinh thái và an toàn mỏ.

Điều 14. Quyền sử dụng thiết bị và phương tiện

Chính phủ Việt Nam có quyền sử dụng các thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí, kể cả đường ống, kho chứa do tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí đang quản lý và sử dụng, với điều kiện không gây cản trở cho hoạt động dầu khí và không làm tăng thêm chi phí cho Nhà thầu.

Điều 15. Nghĩa vụ tháo dỡ công trình

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phải lập chương trình, kế hoạch, dự toán chi phí cho việc tháo dỡ các công trình cố định phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, trình cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí phê duyệt. Chi phí cho việc tháo dỡ được tính vào chi phí dầu khí được thu hồi.

Theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí, tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí có thể không tháo dỡ hoặc chỉ tháo dỡ một phần công trình cố định nói trên.

Điều 16. Bảo hiểm dầu khí

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải mua bảo hiểm phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế trong công nghiệp dầu khí, đặc biệt là bảo hiểm các công trình phục vụ hoạt động dầu khí, bảo hiểm ô nhiễm môi trường, bảo hiểm tính mạng con người, bảo hiểm tài sản và trách nhiệm dân sự bên thứ ba.

Khuyến khích việc mua bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm Việt Nam.

Điều 17. Trách nhiệm báo cáo của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam

Tổng công ty Dầu khí Việt Nam phải gửi cho cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí những văn bản sau:

1. Các phương án, kế hoạch hoạt động dầu khí hàng năm và dài hạn;
2. Báo cáo tổng hợp về việc thực hiện và kết quả hoạt động dầu khí hàng quý và hàng năm;
3. Báo cáo tình hình thực hiện các dự án kinh tế, kỹ thuật về hoạt động dầu khí;
4. Báo cáo các sự kiện quan trọng, sự cố liên quan đến hoạt động dầu khí;
5. Các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí.

Thời hạn và nội dung từng loại văn bản do cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí quy định.

Điều 18. Cung cấp thông tin

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu, báo cáo về hoạt động dầu khí theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí.

Các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp thông tin, báo cáo khi cần thiết, phù hợp với chức năng quản lý Nhà nước.